

Số: 2495/2021/QĐST-HNGĐ *Thành phố Thủ Đức, ngày 17 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 24/02/2014 của Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1154/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1987

Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh F.

Địa chỉ: Một phần nhà số G Đường số H, Khu phố K, phường L, thành phố M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông Bùi Tuấn A, sinh năm: 1988

Hộ khẩu thường trú: Xã N, huyện O, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Một phần nhà số G Đường số H, Khu phố K, phường L, thành phố M, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 09 tháng 12 năm 2021, bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Tuấn A thỏa thuận: Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 và ông Bùi Tuấn A, sinh năm 1988 thuận tình ly hôn; Về con chung: Giao con chung tên Bùi Nguyễn Quỳnh N (nữ), sinh ngày 04/10/2015 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Bùi Tuấn A không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có; Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Tuấn A chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 09 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 và ông Bùi Tuấn A, sinh năm 1988 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Nguyễn Quỳnh N (nữ), sinh ngày 04/10/2015 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bùi Tuấn A không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Nợ chung: Không có

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Tuấn A phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Loan, ông Anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0024129 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà L, ông A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS, TP.Thủ Đức;
- UBND xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thanh**